

Bản án số:173/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Mẫn và bà Trần Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xét xử A - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 09 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị Thị H**, sinh năm 1972

HKTT: Khu phố Hiệp Nhất, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1971

HKTT: số nhà 450A/12, Dương Bá Trạc, khu phố 4, phường 1, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: khu phố Hiệp Tâm 1, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thị Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chí T kết hôn tự nguyện, bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn số 49/2000, quyền số 01, ngày 21-04-2000 tại UBND phường 1, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T sống không chung thủy, có mối quan hệ với người phụ nữ khác từ năm 2017 kéo dài đến năm 2022. Đồng thời còn ghen tuông hành hung đánh đập chị. Chị cho anh cơ hội sửa sai nhưng anh vẫn không thay đổi, nhiều lần hăm dọa làm chị hoang mang. Mặc dù vẫn sống chung

nhà nhưng chị nhận thấy tình cảm thương yêu không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về nuôi con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21 tháng 07 năm 2023, biên bản làm việc ngày 21/7/2023 bị đơn anh Nguyễn Chí T trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh T đồng ý như lời trình bày của chị H như trên. Tuy nhiên mâu thuẫn xảy ra là do năm 2017 anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác kéo dài đến năm 2022 mới chấm dứt. Chị H cũng cho người theo dõi, anh làm nghề lái xe, mong muốn đi làm về có bữa cơm gia đình ấm cúng để vợ chồng chia sẻ với nhau công việc và cuộc sống nhưng không được. Năm 2021 hai người đã thỏa thuận tự phân chia tài sản, chị H nộp đơn ly hôn nhưng khi được hòa giải thì chị H rút đơn. Khi anh quay về chung sống thì mâu thuẫn lại phát sinh do chị H hay đi chơi nên anh có hăm dọa. Anh cho rằng không đánh đập chị và hiện nay không có quen người phụ nữ nào khác. Nay chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, vì cho rằng về già cần có nhau chăm sóc.

Về nuôi con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Về hôn nhân: Cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: không có. Tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Chí T tạm trú sinh sống tại khu phố Hiệp Tâm 1, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Chị H yêu cầu ly hôn, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 14/7/2023, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc chị H xin ly hôn với anh T. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị là nguyên đơn, anh T là bị đơn trong vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 49/2000, quyền số 01, ngày 21-04-2000 tại UBND phường 1, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/7/2023, 10/8/2023, bản tự khai ngày 18/7/2023 thể hiện vợ chồng anh chị có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T sống không chung thủy, có mối quan hệ với người phụ nữ khác từ năm 2017 kéo dài đến năm 2022 mới chấm dứt, hai người cũng đã tự thỏa thuận chia tài sản với nhau xong. Năm 2021 chị H đã nộp đơn ly hôn và được Tòa án hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên khi về chung sống thì mâu thuẫn tiếp tục phát sinh và cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh T cho rằng còn thương vợ và muốn chăm sóc nhau khi về già nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên kết quả xác minh thể hiện hai người thường xuyên cãi nhau, có trình báo lên Công an thị trấn Định Quán và khu phố đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng chị H không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc anh và mạnh ai nấy sống. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị H và anh T đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau quy định tại Điều 18 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho chị H được ly hôn với anh T.

- Về nuôi con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thi Thị H.

- Về hôn nhân: Chị Thi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

- Về nuôi con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Thi Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên

lai thu số 0004542 ngày 14/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị H và anh T biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường 1, quận 8, TP.HCM, số 49/2000, quyền số 01, ngày 21/04/2000 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan